



AAT SERVICES CO., LTD.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED**

Trụ sở chính:

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - Đường Hoàng Đạo Thúy - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội

Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084

Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn> - Tax Code: 0102283607

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center, Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.3979 8188 - Fax: 84.8.3979 8189 - Email: aat-hcm@aat.com.vn

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
3. Báo cáo kiểm toán	05 – 06
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	07 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 – 32

1022
C
CƠ
CH
KI
TU
TẠI
H
Y TO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 (số cũ: 4704000005) chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 48, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng.

Chủ sở hữu : Tổng Công ty phát triển Khu Công nghiệp.

Địa chỉ của chủ sở hữu: Số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng – công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán – tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây dựng trạm bơm;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm 2012, Công ty đã phân bổ chênh lệch tỷ giá do đánh giá tỷ giá cuối kỳ lũy kế của dự án cấp nước Nhơn Trạch phát sinh tại Ban Quản lý dự án vào chi phí là 48.500.000.000 đồng.

361
HI NI
IG T
U K
TO
VÁP
AJ
THA
CH
TP

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 32).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch
Ông Đặng Trọng Thành	Phó Chủ tịch
Ông Phan Hùng	Ủy viên
Ông Lê Duy Diệp	Ủy viên
Ông Ngô Thanh Thụy	Ủy viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Trọng Thành	Giám đốc
Ông Phan Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc
Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

7-0
I ANI
(TN
EM'
IN V
THI
IT
PH P
MIN
10

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Đặng Trọng Thành
Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2013

17-1
1H
10A1
A
1E
48
CHI

Số: 062/2013/BCKT-AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2013, từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi chúng tôi và được phát hành dưới dạng ý kiến ngoại trừ.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo vấn đề sau:

Thuyết minh IV.16 và V.26 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc áp dụng ước tính kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ áp dụng tại Ban quản lý Dự án. Trong năm Công ty đã phân bổ vào chi phí 48.500.000.000 đồng. Việc ước tính, phân bổ này làm cho khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản vay dài hạn và phải trả dài hạn khác lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 123.412.470.976 đồng và làm giảm lợi nhuận trước thuế một khoản tương ứng.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty theo thuyết minh V.19 sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Cũng như, công việc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Chúng tôi chỉ đưa ra ý kiến kiểm toán trên cơ sở thực hiện việc kiểm tra các biên bản nghiệm thu - bàn giao giữa Công ty và các nhà thầu.

Thay mặt và đại diện cho

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán Kế toán
và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh**



Trương Quang Trung – Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1752/KTV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2013

Phạm Thị Anh Khoa – Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1521/KTV



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		443.584.534.744	436.285.436.123
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		41.019.820.353	6.989.404.747
1. Tiền	111	V.1	21.019.820.353	6.989.404.747
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		361.151.076.558	390.003.501.361
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	38.718.760.566	35.539.350.657
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	318.656.039.063	353.734.065.345
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3.926.276.929	730.085.359
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(150.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		36.333.824.246	36.306.954.917
1. Hàng tồn kho	141	V.6	36.333.824.246	36.306.954.917
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.079.813.587	2.985.575.098
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.048.194.288	1.559.823.685
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	30.309.537	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2.001.309.762	1.425.751.413

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.890.184.898.333	1.326.437.715.760
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.841.963.133.664	1.291.207.436.975
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	440.931.460.863	370.780.251.613
<i>Nguyên giá</i>	222		1.086.201.346.325	900.812.951.457
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(645.269.885.462)	(530.032.699.844)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.328.195.249	10.605.518.945
<i>Nguyên giá</i>	228		11.411.362.568	11.351.362.568
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.083.167.319)	(745.843.623)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.390.703.477.552	909.821.666.417
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		46.153.153.500	35.121.310.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	42.043.053.500	31.031.210.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	2.160.000.000	2.160.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	1.950.100.000	1.950.100.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(20.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.068.611.169	108.968.785
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	2.068.611.169	108.968.785
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.333.769.433.077	1.762.723.151.883

233
 CHI
 ĐNG
 VỤ
 KẾ T
 U V.
 A
 01 TP
 HỒ C
 T

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.024.359.371.871	1.578.256.791.928
I. Nợ ngắn hạn	310		174.472.842.580	130.893.017.528
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	94.452.804.321	66.096.690.564
2. Phải trả người bán	312	V.17	41.338.142.796	17.367.189.487
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	6.331.236.812	9.953.510.229
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	2.566.858.951	3.659.896.422
5. Phải trả người lao động	315		16.065.557.173	19.499.384.990
6. Chi phí phải trả	316	V.20	1.286.220.489	4.069.616.219
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	4.911.629.077	3.741.099.602
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	7.520.392.961	6.505.630.015
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.849.886.529.291	1.447.363.774.400
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	502.223.345.607	510.673.878.041
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	1.347.663.183.684	935.255.257.427
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	-	1.385.115.194
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	49.523.738
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		309.410.061.206	184.466.359.955
I. Vốn chủ sở hữu	410		308.699.829.967	183.870.916.538
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	293.510.606.839	264.357.103.569
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.26	(123.412.470.976)	(205.707.067.950)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	14.401.340.131	13.163.324.841
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	7.331.992.401	6.076.449.735
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.26	17.197.741.350	17.197.741.350
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	14.489.138.001	12.555.426.661
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.26	85.181.482.221	76.227.938.332
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		710.231.239	595.443.417
1. Nguồn kinh phí	432		710.231.239	595.443.417
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.333.769.433.077	1.762.723.151.883

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.269,19	1.280,35
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Lê Duy Diệp
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Oanh
Người lập biểu



Đặng Trọng Thành
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	429.125.123.229	354.054.488.997
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	165.725.236	39.138.627
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	428.959.397.993	354.015.350.370
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	259.974.514.649	227.823.795.453
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.984.883.344	126.191.554.917
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.390.962.777	5.239.174.835
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	85.363.696.472	59.953.266.919
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.869.163.566	34.023.334.157
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	46.856.171.218	31.642.355.877
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	23.732.691.615	25.082.098.076
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.423.286.816	14.753.008.880
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.403.774.122	12.556.048.885
12. Chi phí khác	32	VI.8	558.020.350	9.379.776.717
13. Lợi nhuận khác	40		845.753.772	3.176.272.168
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.269.040.588	17.929.281.048
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	3.779.902.588	5.373.854.388
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>14.489.138.000</u>	<u>12.555.426.660</u>



Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2013

[Signature]
Lê Duy Diệp
Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Thu Oanh
Người lập biểu

[Signature]
Đặng Trọng Thành
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.269.040.588	17.929.281.048
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	116.094.189.791	100.837.152.389
- Các khoản dự phòng	03		130.000.000	20.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	48.500.000.000	16.123.312.762
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.390.962.777)	(9.213.987.365)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23.869.163.566	34.023.334.157
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		202.471.431.168	159.719.092.991
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		74.639.603.574	1.260.888.270
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.869.329)	(10.333.051.514)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37.819.120.475	(22.011.087.063)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.959.642.384)	418.010.850
- Tiền lãi vay đã trả	13		(32.878.528.968)	(30.329.688.938)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(5.199.735.286)	(2.606.843.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.166.000.653	43.408.807
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.925.152.230)	(769.820.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		273.106.227.673	95.390.910.166
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(670.287.221.358)	(84.069.782.116)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	12.260.290.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.4, V.12	(13.599.343.500)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	4.046.712.777	5.239.174.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(679.839.852.081)	(66.570.317.281)

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	16.876.936.263
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		868.297.383.676	307.451.212.540
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(427.533.343.662)	(354.298.949.401)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.334.727.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		440.764.040.014	(32.305.528.398)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		34.030.415.606	(3.484.935.513)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.989.404.747	10.474.340.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	41.019.820.353	6.989.404.747

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2013



Lê Duy Diệp
Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Oanh
Người lập biểu



Đặng Trọng Thành
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 (số cũ: 4704000005) chứng nhận lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2004, thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng.

Chủ sở hữu : Tổng Công ty phát triển Khu Công nghiệp.

Địa chỉ của chủ sở hữu: Số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Ban Quản lý dự án	Xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Thiện Tân	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Long Bình	Phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Biên Hòa	Phường Quyết thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp nước Tân Định	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
Khách sạn Công đoàn	Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng – công nghiệp; Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư; Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán – tổng dự toán; Thẩm định kết quả đấu thầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;

28/ CH
ON
+ VI
KẾ
TƯ
TÀI
H
?

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước; Xây dựng trạm bơm;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2012, Công ty đã cân đối phân bổ chênh lệch tỷ giá do đánh giá tỷ giá cuối kỳ lũy kế của dự án cấp nước Nhơn Trạch phát sinh tại Ban Quản lý dự án. Việc phân bổ này làm chi phí tài chính trong năm tăng lên 48.500.000.000 đồng, đồng thời lợi nhuận kế toán trước thuế giảm đi tương ứng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc.

Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính toàn Công ty.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

30
NH
: T
: KH
TO
' AN
AA
HÀ
CHI
P.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản tuân thủ theo đúng Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	04 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Chi phí quy hoạch cấp nước

Chi phí quy hoạch cấp nước tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch cấp nước được khấu hao trong 04 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Chi phí lãi vay phát sinh tại Văn phòng Công ty được hạch toán vào chi phí kinh doanh theo số lãi vay phải trả. Cuối năm Công ty đã trích trước chi phí lãi vay phải trả.

Chi phí lãi vay phát sinh tại Ban quản lý Dự án được hạch toán vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo số lãi vay phải trả. Cuối năm Công ty đã trích trước chi phí lãi vay phải trả.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng đối với Ban Quản lý dự án, thực hiện các dự án đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí theo quy định.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

	31/12/2011	31/12/2012
VND/USD	20.828,00	20.828,00
VND/JPY	266,67	247,33
VND/WON	17,80	19,41

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	135.383.055	233.015.111
Tiền gửi ngân hàng (*)	20.678.203.997	6.756.389.636
Tiền đang chuyển	206.233.301	-
Các khoản tương đương tiền (**)	20.000.000.000	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	41.019.820.353	6.989.404.747

(*) Chi tiết:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	12.544.146.233
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	5.062.797.525
Ngân hàng TMCP Đại Á - Chi nhánh Đồng Nai	2.725.367.292
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đồng Nai	291.146.001
Các ngân hàng khác	54.746.946
Cộng	20.678.203.997

(**) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động cung cấp nước	36.059.825.416	34.826.844.947
Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt (*)	2.658.935.150	712.505.710
Cộng	38.718.760.566	35.539.350.657

(*) Chi tiết:

Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	2.255.877.200
Công ty TNHH MTV Tín Nghĩa	154.000.000
Các khách hàng khác	249.057.950
Cộng	2.658.935.150

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	15.672.438.599	5.650.797.621
Đầu tư xây dựng cơ bản (**)	302.983.600.464	348.083.267.724
Cộng	<u>318.656.039.063</u>	<u>353.734.065.345</u>
(*) Chi tiết:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	6.313.816.464	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	4.051.011.746	
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.547.878.322	
Công ty Cổ phần nước ngầm II	945.653.761	
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 4	843.946.769	
Công ty Cổ phần nước và môi trường Việt Nam	585.759.000	
Các nhà cung cấp khác	1.384.372.537	
Cộng	<u>15.672.438.599</u>	
(**) Chi tiết:		
Kubota Corporation - Nhà thầu gói CP1A	28.150.744.825	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Nhà thầu CP1B	1.292.527.048	
Công ty Salcon Engineering Berhad - Nhà thầu CP2	138.248.007.678	
Công ty Degremont Ltd - Nhà thầu CP3	32.395.775.351	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước - Nhà thầu CP4	91.024.900.860	
Công ty Nippon Koei - Gói thầu tư vấn	11.413.899.410	
Các nhà cung cấp khác	457.745.292	
Cộng	<u>302.983.600.464</u>	

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền nước phải thu đồng bào dân tộc	356.108.415	313.199.460
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	-	276.276.790
Bảo hiểm y tế	68.723.488	72.788.207
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai	2.587.500.000	-
Phải thu cổ tức đợt 1 năm 2012 Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng cấp nước Đồng Nai	344.250.000	-
Phải thu khác	569.695.026	67.820.902
Cộng	<u>3.926.276.929</u>	<u>730.085.359</u>

5. Dự phòng phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	150.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm (*)	<u>150.000.000</u>	<u>-</u>

(*): Là khoản dự phòng tiền nước của các hóa đơn dưới 4 m³ không thu được.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	34.652.642.140	34.751.404.732
Công cụ, dụng cụ	1.681.182.106	1.555.550.185
Cộng	36.333.824.246	36.306.954.917

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế tài nguyên nộp thừa. Xem thêm thuyết minh V.19.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.551.293.938	1.342.998.558
Kinh phí sửa chữa duy tu trụ cứu hỏa	450.015.824	82.752.855
Cộng	2.001.309.762	1.425.751.413

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	142.480.310.781	159.097.810.255	591.236.799.804	5.598.473.728	2.399.556.889	900.812.951.457
Tăng trong năm	1.283.200.755	97.541.199.240	88.657.442.030	327.247.727	457.535.455	188.266.625.207
Mua sắm mới	-	-	735.429.776	170.837.727	-	906.267.503
Xây dựng cơ bản	1.283.200.755	97.541.199.240	87.922.012.254	156.410.000	457.535.455	187.360.357.704
Giảm trong năm	(2.878.230.339)	-	-	-	-	(2.878.230.339)
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn (*)	(2.878.230.339)	-	-	-	-	(2.878.230.339)
Số cuối năm	140.885.281.197	256.639.009.495	679.894.241.834	5.925.721.455	2.857.092.344	1.086.201.346.325
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.235.483.475	58.953.174.233	80.301.754.651	3.338.387.134	2.399.556.889	174.228.356.383
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	87.988.493.867	128.005.456.315	307.936.749.112	4.050.715.221	2.051.285.329	530.032.699.844
Tăng trong năm	20.216.883.890	35.122.793.708	59.383.132.969	685.783.968	348.271.560	115.756.866.095
Khấu hao trong năm	20.216.883.890	35.122.793.708	59.383.132.969	685.783.968	348.271.560	115.756.866.095
Giảm trong năm	(519.680.477)	-	-	-	-	(519.680.477)
Giảm khác (*)	(519.680.477)	-	-	-	-	(519.680.477)
Số cuối năm	107.685.697.280	163.128.250.023	367.319.882.081	4.736.499.189	2.399.556.889	645.269.885.462
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	54.491.816.914	31.092.353.940	283.300.050.692	1.547.758.507	348.271.560	370.780.251.613
Số cuối năm	33.199.583.917	93.510.759.472	312.574.359.753	1.189.222.266	457.535.455	440.931.460.863

(*) Theo Biên bản Thanh tra thuế của Cục thuế Tỉnh Đồng Nai, đối với tài sản nhận bàn giao từ Công ty Cao su màu sẽ được hạch toán tăng nguyên giá theo Công văn số 4342/UBND-KT ngày 18/06/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tăng tài sản cố định và trích khấu hao của Công ty TNHH MTV cấp nước Đồng Nai. Phần giá trị tài sản tăng thêm do sửa chữa lớn và đền bù hỗ trợ di dời không được ghi tăng nguyên giá tài sản và hạch toán phân bổ theo quy định. Đồng thời giảm chi phí khấu hao lũy kế của phần giá trị tài sản tăng thêm này.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Quy hoạch cấp nước</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.020.750.480	1.274.564.000	56.048.088	11.351.362.568
Tăng trong năm	-	-	60.000.000	60.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	10.020.750.480	1.274.564.000	116.048.088	11.411.362.568
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	713.148.905	32.694.718	745.843.623
Tăng trong năm	-	318.641.000	18.682.696	337.323.696
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	<i>318.641.000</i>	<i>18.682.696</i>	<i>337.323.696</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	1.031.789.905	51.377.414	1.083.167.319
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	10.020.750.480	561.415.095	23.353.370	10.605.518.945
Số cuối năm	10.020.750.480	242.774.095	64.670.674	10.328.195.249

11. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang		
Nhà máy nước Trảng Bom	8.882.826.019	6.233.082.272
Nhà máy nước Tân Phú	6.444.387.127	5.795.772.453
Nhà máy nước Định Quán	2.399.338.953	2.095.682.073
Dự án Cấp nước Nhơn Trạch	1.288.466.189.915	851.131.263.176
Dự án Cấp nước Thiện Tân	17.528.544.047	15.922.729.632
Các công trình khác	66.982.191.491	28.643.136.811
Cộng	1.390.703.477.552	909.821.666.417

12. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Tỷ lệ vốn điều lệ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Tỷ lệ vốn điều lệ</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (a)	51,00%	2.550.000.000	51,00%	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (b)	52,44%	26.743.053.500	52,44%	15.731.210.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (c)	51,00%	12.750.000.000	51,00%	12.750.000.000
Cộng		42.043.053.500		31.031.210.000

(a): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000499 ngày 18 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 03/07/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai 344.200 cổ phần, tương đương 51,00% vốn điều lệ. Trong năm 2012, Công ty nhận cổ tức bằng cổ phiếu thường 892.500.000 đồng.

16/11/2012
 3 T
 1 K
 TO
 AN
 A
 HA
 CH
 1/1

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(b): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi gần nhất ngày 18 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch 2.621.680 cổ phần, tương đương 52,44% vốn điều lệ.

(c): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000501 ngày 18 tháng 02 năm 2008, thay đổi gần nhất ngày 23 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh 1.275.000 cổ phần, tương đương 51,00% vốn điều lệ.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị	Tỷ lệ vốn điều lệ	Giá trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới (*)	36,00%	2.160.000.000	36,00%	2.160.000.000
Cộng		2.160.000.000		2.160.000.000

(*): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3602213547 ngày 07 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới 2.160.000.000 đồng, tương đương 36,00% vốn điều lệ.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	95.010	950.100.000	95.010	950.100.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Cộng		1.950.100.000		1.950.100.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	108.968.785	386.795.820	(288.786.669)	206.977.936
Chi phí sửa chữa	-	845.037.179	(422.518.590)	422.518.589
Chi phí hỗ trợ di dời nhà văn phòng Ban Quản lý dự án	-	2.878.230.339	(1.439.115.695)	1.439.114.644
Cộng	108.968.785	4.110.063.338	(2.150.420.954)	2.068.611.169

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	88.952.804.321	63.096.690.564
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đồng Nai	79.121.691.467	60.010.843.753
Ngân hàng TMCP Á Châu	9.831.112.854	2.746.442.811
Ngân hàng TMCP Đại Á	-	339.404.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	5.500.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần cấp nước Long Khánh	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng cấp nước Đồng Nai	2.500.000.000	-
Cộng	94.452.804.321	66.096.690.564

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động sản xuất kinh doanh (*)	39.305.814.027	15.767.726.409
Đầu tư xây dựng cơ bản (**)	2.032.328.769	1.599.463.078
Cộng	41.338.142.796	17.367.189.487
(*) Chi tiết:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	14.912.396.336	
Công ty Cổ phần khoan và xây lắp cấp thoát nước	10.927.818.421	
Công ty Cổ phần xây dựng Đồng Nai	2.933.352.000	
Tổng Công ty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường VN	2.118.420.171	
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	1.396.751.400	
Công ty TNHH Thanh Sơn Tính	1.157.678.238	
Công ty Cổ phần Hawaco miền nam	893.200.000	
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	773.484.419	
Các nhà cung cấp khác	4.192.713.042	
Cộng	39.305.814.027	
(**) Chi tiết:		
Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa	1.337.439.000	
Công ty Cổ phần nước và môi trường	275.101.471	
Trung tâm kỹ thuật địa chính Đồng Nai	147.269.679	
Các nhà cung cấp khác	272.518.619	
Cộng	2.032.328.769	

18. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả tiền trước cho hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	3.899.537.918	6.551.700.800
Liên hiệp Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai	1.500.000.000	1.500.000.000
Các khách hàng khác	931.698.894	1.901.809.429
Cộng	6.331.236.812	9.953.510.229

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	1.410.689.721	(1.410.689.721)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.499.620.070	3.779.902.588	(5.199.735.286)	79.787.372
Thuế thu nhập cá nhân	617.282.869	4.074.947.753	(3.526.639.214)	1.165.591.408
Tiền thuê đất	-	363.537.577	(363.537.577)	-
Thuế tài nguyên (*)	317.169.584	1.708.125.446	(2.055.604.567)	(30.309.537)
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Phí bảo vệ môi trường	1.225.823.899	15.358.411.610	(15.262.755.338)	1.321.480.171
Cộng	3.659.896.422	26.700.614.695	(27.823.961.703)	2.536.549.414

(*): Trình bày khoản mục Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước theo thuyết minh V.7.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.269.040.588	17.929.281.048
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(3.149.430.236)	3.566.136.504
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	482.133.364	8.425.768.416
<i>Cổ tức được chia</i>	(3.631.563.600)	(4.859.631.912)
Thu nhập tính thuế	15.119.610.352	21.495.417.552
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.779.902.588</u>	<u>5.373.854.388</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả tại văn phòng Công ty	875.200.785	3.693.645.219
Chi phí lãi vay phải trả tại Ban quản lý	411.019.704	375.971.000
Cộng	<u>1.286.220.489</u>	<u>4.069.616.219</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.647.002.986	1.415.854.977
Phí bảo vệ môi trường	1.348.013.699	1.215.403.018
Tiền cơm trưa nhân viên	992.800.000	295.870.000
Tiền nước trả trước	197.491.852	237.438.861
Thu hộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng cấp nước Đồng Nai	211.448.414	341.742.859
Thu hộ xây dựng Nhà Tường niệm 113	11.214.198	175.600.000
Phải trả phải nộp khác	503.657.928	59.189.887
Cộng	<u>4.911.629.077</u>	<u>3.741.099.602</u>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.738.098.697	1.341.183.231	(266.839.999)	4.812.441.929
Quỹ phúc lợi	1.792.984.344	1.341.183.232	(1.213.911.000)	1.920.256.576
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định	765.560.915	-	-	765.560.915
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	208.986.059	206.335.882	(393.188.400)	22.133.541
Cộng	<u>6.505.630.015</u>	<u>2.888.702.345</u>	<u>(1.873.939.399)</u>	<u>7.520.392.961</u>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm tính hạng mục XD/CB tại Ban quản lý (*)	489.082.271.233	493.813.419.997
Công ty Cổ phần Thống nhất	13.141.074.374	16.860.458.044
Cộng	<u>502.223.345.607</u>	<u>510.673.878.041</u>

(*): Tại Ban quản lý dự án, công việc thanh toán cho các Nhà thầu nước ngoài có đặc thù riêng do dự án được tài trợ bằng vốn vay của cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Các hạng mục xây dựng hoàn thành sẽ được các Nhà thầu làm bộ hồ sơ thanh toán. Các hồ sơ này sẽ được chuyển đến ngân hàng Phát triển Việt Nam, và chuyển qua JICA phê duyệt.

Sau khi xem xét phê duyệt, Ngân hàng JICA sẽ chuyển phần tiền JPY vào tài khoản của nhà thầu ở nước ngoài. Riêng tiền VND thì JICA chuyển tiền JPY vào tài khoản của Bộ tài chính mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, sau đó chuyển JPY sang tiền VND, rồi chuyển vào TK của nhà thầu tại Việt Nam bằng VND.

Tại Ban quản lý dự án, căn cứ vào các biên bản nghiệm thu và bàn giao đã lập giữa Ban quản lý dự án và Nhà thầu, Ban quản lý dự án hạch toán tạm tăng giá trị xây dựng cơ bản đồng thời tăng khoản phải trả dài hạn khác, do các hạng mục này đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thanh toán nhưng chưa làm các thông tri nhận nợ.

Vì thời gian Ngân hàng JICA phê duyệt, thanh toán cho Nhà thầu, và Ban quản lý dự án nhận nợ rất cách xa nhau, nên tới thời điểm 31/12/2012 Ban quản lý dự án không thể xác nhận số dư đầy đủ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Chi tiết các khoản nợ phải trả dài hạn khác:

	<u>Số cuối năm</u>
Kubota Corporation - Nhà thầu gói CP1A	69.259.993.227
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Nhà thầu CP1B	9.329.556.933
Công ty Salcon Engineering Berhad - Nhà thầu CP2	52.977.138.328
Công ty Degremont Ltd - Nhà thầu CP3	215.351.847.909
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước - Nhà thầu CP4	82.749.909.145
Nhà thầu tư vấn Nippon Koei – gói thầu tư vấn	53.646.595.053
Công ty Kolon Construction	1.224.630.400
Công ty Tư vấn Kỹ thuật Dohwa	4.019.231.068
Các khoản phải trả khác	523.369.170
Cộng	<u>489.082.271.233</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.230.663.183.684	918.255.257.427
<i>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đồng Nai</i>	<i>57.153.553.160</i>	<i>58.869.366.474</i>
<i>Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai</i>	<i>73.243.697.903</i>	<i>76.302.597.903</i>
<i>Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai</i>	<i>1.100.265.932.621</i>	<i>783.083.293.050</i>
Vay dài hạn các tổ chức khác	117.000.000.000	17.000.000.000
<i>Ngân sách tỉnh</i>	<i>117.000.000.000</i>	<i>17.000.000.000</i>
Cộng	<u>1.347.663.183.684</u>	<u>935.255.257.427</u>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.385.115.194	1.013.035.865
Số trích lập trong năm	-	502.511.196
Số đã chi	(154.420.197)	(130.431.867)
Hoàn nhập dự phòng	(1.230.694.997)	-
Số cuối năm	-	1.385.115.194

26. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	259.510.611.883	(143.119.553.282)	10.575.295.783	4.579.421.378	17.197.741.350	14.970.283.570	59.351.002.069	223.064.802.751
Ngân sách cấp	-	-	-	-	-	-	16.922.822.152	16.922.822.152
Tăng vốn từ lợi nhuận	4.846.491.686	-	-	-	-	(4.846.491.686)	-	-
Xuất toán theo Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	(45.885.889)	(45.885.889)
Nộp về Tổng công ty	-	-	-	-	-	(2.334.727.800)	-	(2.334.727.800)
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.588.029.058	1.497.028.357	-	(4.085.057.415)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.506.141.272)	-	(3.506.141.272)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(197.865.396)	-	(197.865.396)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.555.426.660	-	12.555.426.660
Đánh giá cuối năm	-	(62.587.514.668)	-	-	-	-	-	(62.587.514.668)
Số dư cuối năm	264.357.103.569	(205.707.067.950)	13.163.324.841	6.076.449.735	17.197.741.350	12.555.426.661	76.227.938.332	183.870.916.538
Số dư đầu năm nay	264.357.103.569	(205.707.067.950)	13.163.324.841	6.076.449.735	17.197.741.350	12.555.426.661	76.227.938.332	183.870.916.538
Ngân sách cấp	3.669.345.800	-	-	-	-	-	27.264.535.000	30.933.880.800
Tăng vốn từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	18.310.991.111	-	-	-	-	-	(18.310.991.111)	-
Tăng vốn từ lợi nhuận	7.173.166.359	-	-	-	-	(7.173.166.359)	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.238.015.290	1.255.542.666	-	(2.493.557.956)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.682.366.463)	-	(2.682.366.463)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(206.335.882)	-	(206.335.882)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	14.489.138.000	-	14.489.138.000
Phân bổ chi phí trong năm	-	48.500.000.000	-	-	-	-	-	48.500.000.000
Đánh giá cuối năm	-	33.794.596.974	-	-	-	-	-	33.794.596.974
Số dư cuối năm nay	293.510.606.839	(123.412.470.976)	14.401.340.131	7.331.992.401	17.197.741.350	14.489.138.001	85.181.482.221	308.699.829.967

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	293.510.606.839	264.357.103.569
Vốn góp của các cổ đông khác	-	-
Cộng	293.510.606.839	264.357.103.569

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	429.125.123.229	354.054.488.997
+ Doanh thu cung cấp nước	390.050.785.853	333.249.097.589
+ Doanh thu dịch vụ lắp đặt	39.074.337.376	20.805.391.408
Các khoản giảm trừ doanh thu:	165.725.236	39.138.627
+ Hàng bán bị trả lại	165.725.236	39.138.627
Doanh thu thuần	428.959.397.993	354.015.350.370
Trong đó:		
+ Doanh thu cung cấp nước	390.050.785.853	333.249.097.589
+ Doanh thu dịch vụ lắp đặt	38.908.612.140	20.766.252.781

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động cung cấp nước (*)	237.194.603.007	211.078.624.528
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt (**)	22.779.911.642	16.745.170.925
Cộng	259.974.514.649	227.823.795.453

(*) Giá vốn hoạt động cung cấp nước

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	8.518.390.543	8.463.937.701
Chi nhân công trực tiếp	48.394.812.799	45.621.715.935
Chi phí sản xuất chung	180.281.399.665	156.992.970.892
Tổng chi phí sản xuất	237.194.603.007	211.078.624.528
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Giá vốn của hoạt động cung cấp nước	237.194.603.007	211.078.624.528

(**) Giá vốn hoạt động dịch vụ lắp đặt

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	10.052.202.359	6.349.244.257
Chi nhân công trực tiếp	1.500.000.000	3.570.000.000
Chi phí sản xuất chung	11.227.709.283	6.825.926.668
Tổng chi phí sản xuất	22.779.911.642	16.745.170.925
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Giá vốn của hợp đồng dịch vụ lắp đặt	22.779.911.642	16.745.170.925

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	759.399.177	379.542.923
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.631.563.600	4.859.631.912
Cộng	4.390.962.777	5.239.174.835

228
CƠ
CÓN
CH V
KẾ
TÚ
TẠI
H
TĐ.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	23.869.163.566	34.023.334.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.994.532.906	8.366.620.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	48.500.000.000	16.123.312.762
Chiết khấu thanh toán	-	1.420.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	20.000.000
Cộng	<u>85.363.696.472</u>	<u>59.953.266.919</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	14.305.318.719	8.322.672.471
Chi phí vật liệu, bao bì	9.947.414.027	10.079.335.494
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	286.654.462	246.834.730
Chi phí khấu hao TSCĐ	168.078.379	85.487.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.711.657.937	321.916.910
Chi phí bằng tiền khác	20.437.047.694	12.586.108.575
Cộng	<u>46.856.171.218</u>	<u>31.642.355.877</u>

6. Chi phí quản lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	11.405.933.605	12.545.797.255
Chi phí vật liệu quản lý	68.137.770	78.158.550
Chi phí đồ dùng văn phòng	562.167.351	551.796.021
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.475.255.948	3.097.951.099
Thuế, phí và lệ phí	2.076.205.900	3.387.110.068
Chi phí dự phòng	150.000.000	502.511.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.490.773	163.424.582
Chi phí bằng tiền khác	6.786.500.268	4.755.349.305
Cộng	<u>23.732.691.615</u>	<u>25.082.098.076</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chuyển nhượng HTCN TT Long Thành cho Cty CP Nước Nhơn Trạch	-	12.260.290.000
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.230.694.997	-
Thu nhập khác	173.079.125	295.758.885
Cộng	<u>1.403.774.122</u>	<u>12.556.048.885</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm TSCĐ lắp tuyến ống HTCN TT Long Thành	-	8.285.477.470
Chi phí di dời tuyến ống D200 D500 cầu Vạt	-	937.099.247
Phạt nộp thuế TNDN năm 2008-2010	250.969.825	-
Chi phí khác	307.050.525	157.200.000
Cộng	<u>558.020.350</u>	<u>9.379.776.717</u>

160
 NH
 G TY
 Ứ KII
 TỐP
 VĂN
 AA
 THAI
 5 CHI
 TP.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.024.942.060	32.389.337.848
Chi phí nhân công	84.179.098.195	77.821.916.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.094.189.791	100.779.038.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.469.898.083	42.573.530.374
Chi phí khác	46.795.249.353	30.984.426.085
Cộng	<u>330.563.377.482</u>	<u>284.548.249.406</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tăng vốn từ lợi nhuận	7.173.166.359
Chi phí lãi vay được vốn hóa	10.295.585.891
Lãi vay phải trả	1.286.220.489
Chênh lệch ứng trước nhà cung cấp hoạt động đầu tư XDCB	(45.099.667.260)
Chênh lệch phải trả nhà cung cấp hoạt động đầu tư XDCB	432.865.691
Phải thu khác tiền góp vốn	2.587.500.000
Nhận tài sản cố định tăng vốn chủ sở hữu và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách tỉnh	30.933.880.800
Chuyển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản sang vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.310.991.111
Tạm trính cổ tức đợt 1 năm 2012 Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng cấp nước Đồng Nai	344.250.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán, và được điều chỉnh theo Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 ngày 30 tháng 09 năm 2012 của Ban Kiểm soát thuộc Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tiền lương của các thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban giám đốc phát sinh trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	<u>4.401.976.320</u>	<u>4.008.942.720</u>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phát triển KCN Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau như sau:

	Năm nay
Tổng Công ty Phát triển KCN Đồng Nai	
Bán nước sinh hoạt	474.445.603
Nhận ứng vốn	4.105.673.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	
Cho thuê nhân công	4.130.151.373
Mua dịch vụ	28.851.330.386
Chuyển tiền góp vốn	2.587.500.000
Nhận cổ tức	255.000.000
Tạm trính cổ tức đợt 1 năm 2012	344.250.000
Vay ngắn hạn	2.500.000.000
Lãi vay ngắn hạn	261.250.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	
Bán vật tư	1.252.378.336
Mua dịch vụ	5.395.320.776
Nhận cổ tức	1.275.000.000
Lãi vay ngắn hạn	429.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	
Bán nước sạch	40.437.291.900
Cung cấp dịch vụ	2.852.667.022
Nhận cổ tức	1.573.121.000
Lãi vay ngắn hạn	824.760.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Phải thu tiền ứng trước	6.313.816.464	-
Phải thu khác tiền góp vốn	2.587.500.000	-
Phải thu khác tạm ứng cổ tức	344.250.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch		
Phải thu tiền ứng trước	1.547.878.322	-
Cộng nợ phải thu	10.793.444.786	-

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng Công ty Phát triển KCN Đồng Nai		
Phải trả tiền ứng trước	3.899.537.918	6.551.700.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	2.090.734.111
Vay ngắn hạn	2.500.000.000	-
Tiền thu hộ	211.448.414	341.742.859
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh		
Vay ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	773.484.419	2.791.347.024
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	-	189.260.000
Cộng nợ phải trả	10.384.470.751	14.964.784.794

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2013



Lê Duy Diệp
Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Oanh
Người lập biểu



Đặng Trọng Thành
Giám đốc





AAT SERVICES CO., LTD.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED

Trụ sở chính:

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính
Đường Hoàng Đạo Thúy - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội
Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585
Fax: 84.4.2.2210084
Email: info@aat.com.vn - Website: <http://www.aat.com.vn>
Tax Code: 0102283607

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center,
Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.3979 8188
Fax: 84.8.3979 8189
Email: aat-hcm@aat.com.vn